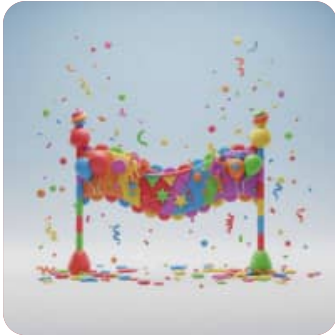


 sinh nhật	 tiệc	パーティー Tôi sẽ đi dự tiệc. 私はパーティーに行きます。 レッスン135 - お祝いと祝日	誕生日 Đó là sinh nhật của em gái tôi. それは姉の誕生日です。 レッスン135 - お祝いと祝日
 bánh	 nến	ろうそく Cô ấy thích những cây nến sinh nhật. 彼女は誕生日のろうそくが好きです。 レッスン135 - お祝いと祝日	ケーキ Họ thích ăn bánh. 彼らはケーキを食べるのが好きです。 レッスン135 - お祝いと祝日
 thiệp sinh nhật	 đám cưới	結婚式 Đám cưới là một dịp vui. 結婚式は幸せな時間です。 レッスン135 - お祝いと祝日	バースデーカード Đây là một tấm thiệp sinh nhật đẹp. これはすてきなバースデーカードです。 レッスン135 - お祝いと祝日
 kỷ niệm	 lễ tốt nghiệp	卒業 Cô ấy đã tham dự lễ tốt nghiệp của mình. 彼女は卒業式に出席しました。 レッスン135 - お祝いと祝日	記念日 Họ kỷ niệm ngày cưới hàng năm. 彼らは毎年、記念日を祝います。 レッスン135 - お祝いと祝日

 Năm Mới	 lễ hội	お祭り Một lễ hội gắn kết mọi người lại với nhau. お祭りは人々を繋ぎます。 レッスン135 - お祝いと祝日	お正月 Năm Mới là một khoảng thời gian vui vẻ. お正月は楽しい時です。 レッスン135 - お祝いと祝日
 cuộc diễu hành	 pháo hoa	花火 Pháo hoa thắp sáng màn đêm. 花火が夜を明るく照らします。 レッスン135 - お祝いと祝日	パレード Chúng tôi đã xem cuộc diễu hành đầy màu sắc. 私たちはカラフルなパレードを見ました。 レッスン135 - お祝いと祝日